

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ TUY HÒA  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 20/9/2024  
“V/v Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Thúy Hằng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Đào Thị Ngâm và bà Nguyễn Thị Lôi.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Cao Thu Hà – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa:*  
Bà Phạm Thu Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 20/9/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 16/2024/TLST-HNGĐ ngày 17/01/2024 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/8/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 85/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30/8/2024 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Phan Thị Hồng N – sinh năm 1990; Nơi ĐKTT: Khu phố P, phường C, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: đường L, phường T, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt tại phiên tòa.

**Bị đơn:** Lê Quốc B – sinh năm 1986; Nơi ĐKTT: Khu phố P, phường C, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: đường L, phường T, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, các tài liệu trong hồ sơ vụ án và các biên bản hòa giải, nguyên đơn Phan Thị Hồng N trình bày: nguyên đơn và bị đơn tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND phường C, thành phố T và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 67 ngày 14/8/2013. Sau khi kết hôn, cuộc sống hôn nhân hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, cả hai thường xuyên xảy ra xích mích, không có tiếng nói chung trong gia

đình, vợ chồng thường xuyên cãi vã về vấn đề tài chính và những vấn đề ngoài xã hội. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, quan hệ hôn nhân không thể kéo dài nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

*Về con chung:* Trong thời gian chung sống có 02 con chung là Lê Thiên P, sinh ngày 28/8/2014 và Lê Bảo N, sinh ngày 22/10/2019. Khi ly hôn nguyên đơn có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung, nợ chung:* không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên ý kiến trình bày. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Phan Thị Hồng N được ly hôn với bị đơn Lê Quốc B. Về con chung: giao 02 con chung Lê Thiên P, sinh ngày 28/8/2014 và Lê Bảo N, sinh ngày 22/10/2019 (hiện nay đang do nguyên đơn nuôi dưỡng) cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng và bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu nên không giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Phan Thị Hồng N yêu cầu xin ly hôn với bị đơn Lê Quốc B là tranh chấp về hôn nhân gia đình, bị đơn có nơi cư trú tại: đường L, phường T, thành phố T, tỉnh Phú Yên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn anh Lê Quốc B để hòa giải và xét xử nhưng bị đơn đều vắng mặt nên căn cứ vào các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Phan Thị Hồng N và bị đơn Lê Quốc B tự nguyện tìm hiểu và kết hôn vào năm 2013, được Ủy ban nhân dân phường B, thành phố T cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 67 ngày 14 tháng 8 năm 2013 là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, cả hai thường xuyên xảy ra xích mích, không có tiếng nói chung trong gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi vã dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hòa hợp. Xét thấy mâu thuẫn giữa các đương sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Thiên P, sinh ngày 28/8/2014 và Lê Bảo N, sinh ngày 22/10/2019. Hiện nay 02 con chung đang do nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy hiện tại 02 con chung đang ở với nguyên đơn và cháu Lê Thiên P có nguyện vọng được ở với mẹ, cháu Lê Bảo N còn nhỏ. Do đó để đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, phù hợp với nguyện vọng của nguyên đơn và quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử giao 02 con chung cho nguyên đơn trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi con; bị đơn không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định tại các điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Áp dụng:** Các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

### **Tuyên xử:**

*Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Phan Thị Hồng N được ly hôn với bị đơn Lê Quốc B.

*Về con chung:* Giao 02 con chung là Lê Thiên P, sinh ngày 28/8/2014 và Lê Bảo N, sinh ngày 22/10/2019 cho nguyên đơn Phan Thị Hồng N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Bị đơn Lê Quốc B không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

*Về án phí HNGĐ-ST:* Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Nguyên đơn Phan Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0012862 ngày 12/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

*Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời gian 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**\* Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP. Tuy Hòa;
- Chi cục THADS TP. Tuy Hoà;
- UBND phường B, thành phố T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Đỗ Thị Thúy Hằng**